

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-PT
Ngày: 18/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: ông Trần Minh Hải;
ông Nguyễn Hoàng Thám.

Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 51/2021/TLPT-HS ngày 19/4/2021 đối với bị cáo Đặng Thị T do có kháng cáo của bị cáo Đặng Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Thị T, sinh năm 1970 tại An Giang; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: đạo Phật; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Đặng Văn O và bà Nguyễn Thị B (đều chết); anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ ba; chồng Lê Tấn Đ, sinh năm 1970; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị BX– Văn phòng luật sư TB, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 35D, khóm ĐA, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Phước Q (N) , sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp MT, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp MA, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn MA, sinh năm 1955; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

6. Ông Dương Văn P (R), sinh năm 1944; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn MO, sinh năm 1948; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

8. Ông Lê Văn D, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

9. Ông Trương Hoàng NA (SH); nơi cư trú: ấp MA, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1970, có mặt.

2. Bà Lê Thị TR, sinh năm 1985, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 16/9/2020, lực lượng Công an huyện C bắt quả tang Đặng Thị T có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề thông qua điện thoại di động và ghi phôi đề (theo kết quả xổ số kiến thiết thành phố Cần Thơ) tại nhà thuộc ấp MP, xã M, huyện C.

Quá trình điều tra, Đặng Thị T khai nhận: T bán số đề từ tháng 5/2020 đến nay, hình thức bán thông qua số điện thoại 0974555365 hoặc người mua gặp T mua trực tiếp. T bán số đề theo các giải xổ số của các tỉnh, từ Thứ hai đến Chủ nhật hàng tuần. Ngày 16/9/2020, T bán số đề (đài Cần Thơ) tổng số tiền 10.430.000 đồng cho những người như sau: Huỳnh Phước Q (N) , Nguyễn Văn V, Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn I, Nguyễn Văn MA, Dương Văn P (R), Nguyễn Văn MO, Lê Văn D, Trương Hoàng NA (SH), U, HK, TN (chưa rõ nhân thân lai lịch)...

Sau khi bán, T nộp phôi cho TL (không rõ họ tên, địa chỉ) ở tỉnh Bình Dương, thông qua Đặng Văn NO (em ruột T) đang làm thuê ở tỉnh Bình Dương để hưởng hoa hồng. Khi có kết quả xổ số, T điện thoại cho NO đem tiền giao cho TL hoặc đưa tiền cho Lê Thị C (con ruột T) chuyển tiền. Tính đến ngày bị bắt T thu lợi khoảng 7.200.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu REALME 5i, màu xanh, IMEI 1: 860343042284557, IMEI 2: 8603430422845405 có gắn sim số 0332780762 và số 0974555365; 01 tờ giấy ghi số đề (bao thuốc lá hiệu Neson), tờ phôi đề, tiền mặt 5.300.000 đồng.

Những người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lê Tấn Đ trình bày: Đ biết Đặng Thị T (vợ của Đ) bán số đề từ tháng 8/2020 đến nay; Đ không tham gia bán số đề cùng với T.

- Lê Thị C trình bày: khoảng tháng 8/2020 Đặng Thị T (mẹ ruột) đưa C 3.000.000 đồng để chuyển cho Đặng Văn NO (cậu ruột); hình thức chuyển qua trạm xe Huệ Nghĩa; mục đích chuyển tiền thì C không biết.

- Huỳnh Phước Q (N), Nguyễn Văn V, Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn I, Nguyễn Văn MA, Dương Văn P (R), Nguyễn Văn MO, Lê Văn D và Trương Hoàng NA (SH) khai nhận phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS.CP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Đặng Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: bị cáo Đặng Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu REALME 5i, màu xanh, IMEI 1: 860343042284557, IMEI 2: 860343042284540 có gắn sim số 0332780762 và số điện thoại 0974555365; tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 10.430.000đ (mười triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Buộc bị cáo nộp thu lợi bất chính số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/3/2021, bị cáo Đặng Thị T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức án, cho bị cáo được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo. Bị cáo khai: bị cáo bán số đề từ tháng 5/2020 đến ngày 16/9/2020 thì bị bắt quả tang, địa điểm bán số đề là ở nhà bị cáo, hình thức bán là qua điện thoại và bán trực tiếp, thu lợi 7.200.000đ. Hàng ngày sau khi bán xong bị cáo đưa tiền cho con là Lê Thị C nộp cho thầu tên TL (không rõ họ, địa chỉ) ở tỉnh Bình Dương. Ngày 16/9/2020 bị cáo bán số cho O, V, H, I, MA, P, MO, D, NA được 10.430.000đ, khi bị bắt quả tang, Công an huyện C thu giữ của bị cáo 5.300.000đ, số tiền còn lại bị cáo đã nộp đủ trong quá trình điều tra. Bản án sơ thẩm xử bị cáo tội đánh bạc là không oan. Hiện nay hoàn cảnh bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở kết luận bị cáo T có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền từ tháng 05/2020 đến tháng 9/2020, bị bắt quả tang ngày 16/9/2020 với số tiền đánh bạc là 10.430.000đ, thu lợi bất chính 7.200.000đ. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 là có căn cứ và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án 06 tháng tù là thỏa đáng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo T mức án 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T đã nộp số tiền thu lợi bất chính 7.200.000đ, được nhân dân ở địa phương xin

giảm nhẹ hình phạt, đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, học thức thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình, do dịch Covid 19 nên buôn bán gặp nhiều khó khăn, không có tiền lo cho con đi học nên mới đi vào con đường phạm tội. Để tạo điều kiện cho bị cáo được ở ngoài lao động lo cho gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị cáo Đặng Thị T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: các ông bà Huỳnh Phước O, Nguyễn Văn V, Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn I, Nguyễn Văn MA, Dương Văn P, Nguyễn Văn MO, Lê Văn D và Trương Hoàng NA đã có hành vi mua số đề của bị cáo T ngày 16/9/2020. Tuy nhiên, số tiền các ông, bà nêu trên dùng để mua số đề dưới 5.000.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đã bị xử phạt hành chính, số tiền 10.430.000đ thu giữ tại nhà bị cáo T là của những ông bà nêu trên dùng để mua số đề của bị cáo T. Cấp sơ thẩm xác định những người mua số đề của bị cáo là người làm chứng là chưa chính xác. Do đó cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các ông bà O, V, H, I, MA, P, MO, D, NA là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng O, V, H, I, MA, P, MO, D, NA, TR đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của bị cáo T tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: từ tháng 02/2020 đến tháng 9/2020 bị cáo T có hành vi bán số đề được thua bằng tiền với nhiều hình thức như bán trực tiếp, qua điện thoại di động tại nhà của bị cáo thuộc ấp MP, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, thu lợi bất chính 7.200.000đ. Ngày 16/9/2020 bị cáo bán số đề cho các ông, bà O, V, H, I, MA, P, MO, D, NA với tổng số tiền 10.430.000 đồng thì bị bắt quả tang. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an huyện C vào lúc 15 giờ 40 phút ngày

16/9/2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có cơ sở xác định hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm vào tội đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội danh và khung hình phạt trên, có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế để xử phạt bị cáo với mức án 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo về việc yêu cầu được hưởng án treo:

Theo quyết định của Bản án sơ thẩm thì bị cáo T phải nộp thu lợi bất chính số tiền 7.200.000đ, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp số tiền này theo phiếu thu số 0008256 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện. Việc bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính nêu trên thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và chấp hành pháp luật của bị cáo đối với hành vi phạm tội đã gây ra, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương. Ngoài ra có đơn của nhiều người dân nơi bị cáo cư trú xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thì bị cáo T có nhân thân tốt, có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của bị cáo, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, xử phạt bị cáo T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 18/6/2021). Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính của bị cáo: cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải nộp thu lợi bất chính số tiền 7.200.000đ, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp xong theo phiếu thu số 0008256 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện C, do đó cần khấu trừ cho bị cáo xem như đã nộp xong.

[8] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo T không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 292, khoản 1 Điều 293, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị T về việc yêu cầu được hưởng án treo.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang về phần hình phạt và tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Đặng Thị T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 18/6/2021).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Buộc bị cáo T phải nộp số tiền thu lợi bất chính 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 7.200.000đ bị cáo đã nộp theo phiếu thu số 0008256 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án huyện C (bị cáo T đã nộp xong).

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đặng Thị T không phải chịu.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện Châu Phú (1);
- Công an huyện Châu Phú (1);
- Chi cục THADS huyện Châu Phú (1);
- Bị cáo (1);
- Sở Tư pháp (1);
- UBND xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu Tòa, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng